

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 300/2022/DS-ST
Ngày: 01/8/2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Vẹn**

2/ Ông **Nguyễn Văn Ba**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** - thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Ông **Đỗ Huỳnh Thanh Tân** – kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2022/QĐST – DS ngày 05/7/2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa dân sự sơ thẩm ngày 20/7/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh T

Đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Thị Huỳnh N**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp Đ, xã ĐH, huyện C, tỉnh T

*Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Ấp T1, xã T, huyện C, tỉnh T

Đại diện theo ủy quyền: **Hồ Thị N1** - sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số , Ô , Khu , thị trấn C, huyện C, tỉnh T

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Anh Nguyễn Hoàng Xuân T** – sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp T1, xã T, huyện C, tỉnh T

Đại diện theo ủy quyền: Hồ Thị N - sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số , Ô , Khu , thị trấn C, huyện C, tỉnh T

Có mặt: Chị N, chị N1 vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng như đại diện ủy quyền nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:*

Ngày 15/7/2020 âm lịch bà N có cho bà C vay số tiền 246.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 30/7/2020 âm lịch trả lại, thỏa thuận miệng, lãi suất 2%/01 tháng. Đến nay đã quá hạn trả nợ và bà N đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà C cứ hứa hẹn và không thực hiện.

Tại đơn khởi kiện, bà N yêu cầu bà C trả cho bà số tiền vốn 246.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 15/7/2020 âm lịch (tức ngày 02/9/2020 dương lịch) đến ngày Tòa án xét xử, tạm tính đến tháng 5/2022 dương lịch tương đương 20 tháng với số tiền: $20 \text{ tháng} \times 0.83\% \times 246.000.000 \text{ đồng} = 40.836.000 \text{ đồng}$, yêu cầu trả cả vốn và lãi khi án có hiệu lực pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Bà C thừa nhận biên nhận ngày 15/7/2020 âm lịch là do bà viết và ký tên. Tuy nhiên, bà C không nợ bà N tới số tiền 246.000.000 đồng. Bà C có vay tiền của bà N nhưng số tiền 246.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/07/2020 âm lịch là không đúng. Thực chất bà C chỉ vay có 180.000.00 đồng. Cụ thể :

Lần 01: Bà C vay 50.000.000 đồng, thời gian vay không nhớ, bà chưa trả vốn, bà có trả lãi mỗi tháng 2.500.000 đồng, trả được 07 tháng tiền lãi nhưng khi trả lãi thì bà N không có làm biên nhận cho bà;

Lần 02: Bà C vay 30.000.000 đồng, thời gian vay không nhớ, bà chưa trả vốn, bà có trả lãi mỗi tháng 1.500.000 đồng, trả được 07 tháng tiền lãi nhưng khi trả lãi thì bà N không có làm biên nhận cho bà;

Lần 03: Bà C vay 100.000.000 đồng, thời gian vay không nhớ, bà đã trả được 60.000.000 đồng tiền vốn, bà có trả lãi mỗi tháng 5.000.000 đồng, trả được 07 tháng tiền lãi nhưng khi trả lãi và trả tiền vốn thì bà N không có làm biên nhận cho bà;

Ngoài ra, con bà C là anh Nguyễn Hoàng Xuân Triết có vay của bà N thêm 30.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn mà bà C vay 180.000.000 đồng, con bà C anh Triết vay 30.000.000 và cộng 36.000.000 đồng tiền lãi mới ra số tiền 246.000.000 đồng.

Do đó, ngày 15/7/2020 âm lịch bà C mới làm biên nhận 246.000.000 đồng. Sau khi làm biên nhận ngày 15/7/2020 âm lịch thì bà có trả bớt tiền vốn 80.000.000 đồng và trả 9 tháng tiền lãi với số tiền 56.000.000 đồng nhưng khi trả tiền vốn và tiền lãi thì bà N không có làm biên nhận cho bà.

Nay bà yêu cầu được trừ số tiền vốn mà bà đã trả 80.000.000 đồng vào số tiền 246.000.000 đồng. Bà C chỉ đồng ý trả cho bà N 166.000.000 đồng. còn số tiền lãi 56.000.000 đồng mà bà C đã trả thì bà C không yêu cầu gì, bà C vay thì bà phải chịu lãi.

Biên nhận ngày 15/7/2020 âm lịch là bà C viết và ký tên nhưng chỉ có mình bà C ký tên, con bà C là anh Triết không có ký.

Nay bà C và con bà C là anh Triết đồng ý trả cho bà N 166.000.000 đồng nhưng phải bán đất xong.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng Xuân T trình bày:*

Anh Triết thống nhất với lời trình bày của mẹ tôi là bà C. Cụ thể:

Biên nhận ngày 15/7/2020 âm lịch là mẹ tôi bà C viết và ký tên.

Nhưng số tiền 246.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/07/2020 âm lịch là không đúng. Cụ thể :

Lần 01: bà C mẹ anh Triết vay 50.000.000 đồng, thời gian vay không nhớ, bà C chưa trả vốn, tôi có trả lãi mỗi tháng 2.500.000 đồng, trả được 07 tháng tiền lãi nhưng khi trả lãi thì bà N không có làm biên nhận cho bà C

Lần 02: bà C mẹ anh Triết vay 30.000.000 đồng, thời gian vay không nhớ, bà C chưa trả vốn, tôi có trả lãi mỗi tháng 1.500.000 đồng, trả được 07 tháng tiền lãi nhưng khi trả lãi thì bà N không có làm biên nhận cho bà C.

Lần 03: bà C mẹ anh Triết vay 100.000.000 đồng, thời gian vay không nhớ, bà C đã trả được 60.000.000 đồng tiền vốn, bà C có trả lãi mỗi tháng 5.000.000 đồng, trả được 07 tháng tiền lãi nhưng khi trả lãi và trả tiền vốn thì bà N không có làm biên nhận cho bà C

Ngoài ra, anh Triết có vay của bà N thêm 30.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn mà mẹ anh Triết bà C vay 180.000.000 đồng, còn anh Triết vay 30.000.000 và 36.000.000 đồng tiền lãi mới ra số tiền 246.000.000 đồng.

Do đó, ngày 15/7/2020 âm lịch mẹ tôi bà C mới làm biên nhận 246.000.000 đồng. Sau khi làm biên nhận ngày 15/7/2020 âm lịch thì bà C mẹ anh Triết có trả bớt tiền vốn 80.000.000 đồng và trả 9 tháng tiền lãi với số tiền 56.000.000 đồng nhưng khi trả tiền vốn và tiền lãi thì bà N không có làm biên nhận cho bà C

Nay anh Triết yêu cầu được trừ số tiền vốn mà mẹ anh Triết đã trả 80.000.000 đồng vào số tiền 246.000.000 đồng. Anh Triết và bà C chỉ đồng ý trả cho bà N 166.000.000 đồng, còn số tiền lãi 56.000.000 đồng mà bà C đã trả thì anh Triết không yêu cầu gì, mẹ con anh Triết vay thì mẹ con anh phải chịu lãi.

Biên nhận ngày 15/7/2020 âm lịch là mẹ anh Triết viết và ký tên, anh Triết không có ký tên.

Nay anh Triết và bà C liên đới đồng ý trả cho bà N 166.000.000 đồng nhưng phải bán đất xong, xin không trả lãi nữa.

* *Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:* Ngày 15/7/2020 âm lịch bà C có vay của bà N số tiền vốn là 246.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30/7/2020 âm lịch sẽ trả nhưng khi đến thời gian trả nợ thì bà C không trả mặc dù bà N đã nhắc bà C nhiều lần. Biên nhận ngày 15/7/2020 âm lịch là do bà C viết và ký tên. Nay bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà N không yêu cầu tính lãi suất, bà N yêu cầu bà C trả số tiền vốn 246.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Bà N yêu cầu bà C trả cho bà số tiền vốn 246.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà N có cung cấp biên nhận nợ ngày 15/7/2020 âm lịch. Bà C thừa nhận biên nhận nợ ngày 15/7/2020 âm lịch là do bà viết và ký tên cho nên yêu cầu khởi kiện của bà N là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Còn đối với yêu cầu tính lãi thì bà N đã thay đổi không yêu cầu xem xét về lãi suất xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà N khởi kiện yêu cầu bà C trả cho bà số tiền vay, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do bà C có hộ khẩu thường trú tại: ấp Tân Thắng, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị N1 là đại diện ủy quyền của bà C, anh T nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N1.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về tiền vốn: Tại phiên tòa bà N yêu cầu bà C trả số tiền 246.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà N đã đưa ra biên nhận ngày 15/7/2020 âm lịch và bà C cũng thừa nhận biên nhận ngày 15/7/2020 âm lịch là do bà viết và ký tên. Theo biên nhận ngày 15/7/2020 âm lịch thì bà C có vay của bà N số tiền 246.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30/7 trả lại, không thỏa thuận về lãi suất. Còn bà C thì cho rằng bà chỉ có vay số tiền vốn 180.000.000 đồng, con trai bà là anh Triết vay 30.000.000 đồng và cộng số tiền lãi 36.000.000 đồng mới ra số tiền 246.000.000 đồng nhưng lời trình bày của bà C thì bà N không thừa nhận và bà C cũng không có đưa ra tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Ngoài ra, bà C trình bày đã trả bớt cho bà N số tiền vốn 80.000.000 đồng nên nay bà C chỉ còn nợ lại và đồng ý trả cho bà N số tiền 166.000.000 đồng, thời gian trả khi nào bà C bán đất xong nhưng bà C không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng

minh cho lời trình bày của mình, bà N cũng không thừa nhận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Do bà N đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu bà C trả lãi, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về việc bà C và anh T muốn liên đới trả nợ cho bà N: Hội đồng xét xử xét thấy, bà N chỉ yêu cầu một mình bà C trả nợ cho bà; bà N trình bày chỉ có mình bà C vay tiền của bà; theo biên nhận nợ ngày 15/7/2020 âm lịch chỉ có mình bà C viết và ký tên, anh T không có ký tên; bà N không đồng ý cho anh T cùng bà C trả nợ cho bà, cho nên anh T yêu cầu được liên đới cùng bà C trả nợ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu của bà N về việc yêu cầu bà C trả số tiền 246.000.000 đồng, thời hạn trả khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không có ai yêu cầu về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bà C là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nhưng bà C không có làm đơn xin miễn án phí nên bà C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu bà C trả lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N

Buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 246.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị C phải chịu 12.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 8.195.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005740 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện C
- Chi cục THADS huyện C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

